

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST
Ngày: 29 – 10 – 2020
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự chuyển nhượng quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.
2. Ông Nguyễn Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương là Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1979.

2. Ông Trương Phi H, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 516, ấp A, xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976.

2. Bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 514, ấp A, xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T2; chức vụ: Chi cục Trưởng.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Minh T2: Ông Phạm Văn T3,

chức vụ: Chấp hành viên là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2020).

Địa chỉ: QL 30, Khóm TĐB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐT.

2. Bà Lê Thị Kim K, sinh năm 1979.

HKTT: Khóm TĐB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐT.

Địa chỉ cư trú: Số 11, đường ĐVN, tổ 8, ấp 3, xã MT, thành phố CL, tỉnh ĐT.

Bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi H có mặt tại phiên tòa.

Ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý.

Ông Phạm Văn T3 và bà Lê Thị Kim K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai có lý do (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi Hùng trình bày:

Ngày 21/11/2015, ông H, bà T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 120m², thửa số 202, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT, do ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L đứng tên, giá trị chuyển nhượng là 183.000.000 đồng.

Ông H và bà T đã giao tiền cho bà Liễu 02 lần: Ngày 21/11/2015 giao số tiền 100.000.000 đồng và ngày 06/11/2015 âm lịch (ngày 16/12/2015) giao số tiền 83.000.000 đồng, tổng cộng là 183.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng giữa ông H, bà T và ông T1, bà L thỏa thuận miệng và có lập Biên nhận nhận tiền chuyển nhượng, không lập hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Sau khi thỏa thuận việc chuyển nhượng xong, bà T, ông H đồng ý cho ông T1, bà L lưu cư trong thời gian 01 năm. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian lưu cư thì ông T1, bà L đã bỏ địa phương, đến nay không rõ nơi đến.

Nay ông H, bà T yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 120m², thửa số 202, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT giữa ông Trương Phi H và bà Nguyễn Thị Minh T với ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L.

Yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L liên đới trả cho ông H, bà T số tiền 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng).

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB trình bày:

Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi Hùng và ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim K trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thì ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim K số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Khuya có nộp đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 428/QĐ-CCTHA ngày 23/11/2017. Ngày 06/3/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB ban hành Quyết định số 07/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Theo Quyết định thể hiện: Cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất diện tích 120m², thửa số 202, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT, do ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Lê Thị Kim K xác định, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 120m², thửa số 202, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT giữa ông Trương Phi H và bà Nguyễn Thị Minh T với ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L là vô hiệu theo quy định của pháp luật. Do đó, ý kiến của bà Khuya đối với vụ án là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 09/01/2020 đến ngày 21/9/2020 mới ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, cho thấy Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử hơn 02 tháng.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú và Thẩm phán đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng (niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng) nhưng bị đơn không có Văn bản ghi ý kiến cũng như tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/11/2015 đối với diện tích 120m², thửa số 202, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT giữa ông Trương Phi H và bà Nguyễn Thị Minh T với ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L.

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 183.000.000 đồng cho ông Trương Phi H và bà Nguyễn Thị Minh T.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU 109666, do ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L đứng tên (Bản sao chứng thực).
- Biên nhận ngày 21/11/2015 (Bản chính).
- Biên bản ngày 22/5/2020; Quyết định số 07/QĐ-CCTHADS ngày 06/3/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BU109666; Bản án số 32/2017/DS-ST ngày 21/9/2017; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 428/QĐ-CCTHADA ngày 23/11/2017 (Bản photo).
- Báo công lý số 28 ngày 03/4/2020, Báo công lý số 29 ngày 08/4/2020, Báo công lý số 30 ngày 10/4/2020 (Bản chính).
- Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2020 của ông Trương Phi H và bà Nguyễn Thị Minh T.
- Bản khai ngày 05/8/2020 (Bản chính, đánh máy trên giấy A4 gồm 01 trang, do bà Lê Thị Kim K ký tên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại ấp 1, xã TM, huyện TB; ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L, cùng cư trú tại số 514, ấp A, xã TM, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, bà Lê Thị Kim K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà L, Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, bà Khuya theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi H và ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L theo Biên nhận ngày 21/11/2015.

Xét thấy, về hình thức hợp đồng: Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T, ông H và ông T1, bà L chỉ thỏa thuận miệng và có lập Biên nhận nhận tiền chuyển nhượng. Bà T, ông H và ông T1, bà L không lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không có công chứng hoặc chứng thực. Như vậy, có cơ sở xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T, ông H và ông T1, bà L vi phạm quy định về hình thức, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Về nội dung hợp đồng: Bà T và ông H cho rằng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 120m², thửa số 202, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã TM, huyện TB, do ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L đứng tên. Tuy nhiên, bà T, ông H không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh các bên đã thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên. Mặt khác, ông H, bà T cho rằng sau khi thỏa thuận xong thì ông T1, bà L được lưu cư trong thời hạn 01 năm thì ông T và bà L phải có trách nhiệm giao quyền sử dụng đất. Từ thời điểm xác lập giao dịch được ghi nhận trong Biên nhận ngày 21/11/2015 đến nay là quá thời hạn lưu cư theo thỏa thuận giữa các bên nhưng ông T và bà L chưa giao quyền sử dụng đất cho bà T và ông H. Như vậy, ông T và bà L chưa hoàn thành nghĩa vụ giao tài sản chuyển nhượng là quyền sử dụng đất. Cho nên, về nội dung Hợp đồng chuyển nhượng chưa được các bên xác định cụ thể, việc thực hiện nghĩa vụ trong giao dịch chưa hoàn thành.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi H và ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L là vô hiệu theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trương Phi H về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 120m², thửa số 202, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT giữa ông Trương Phi H và bà Nguyễn Thị Minh T với ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L; yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L liên đới trả cho ông H, bà T số tiền 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng).

Xét thấy, do Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi Hùng và ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L là vô hiệu. Cho nên, bà T, ông H yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 423 và Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo Biên nhận ngày 21/11/2015 thể hiện bà Liễu là người trực tiếp nhận tiền chuyển nhượng với tổng số tiền là 183.000.000 đồng. Việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ông T và bà L thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông, bà. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2020, bà T và ông H có cam kết là chữ ký trong Biên nhận ngày 21/11/2015 là của bà

Huỳnh Thị Bích L và ông Nguyễn Văn T1 biết việc bà Liễu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thống nhất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Hơn nữa, bà T và ông H cũng có cam kết nếu phát sinh thiệt hại từ yêu cầu khởi kiện không đúng thì bà T và ông H sẽ bồi thường thiệt hại cho ông T và bà L. Theo quy định của pháp luật, giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên có trách nhiệm khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận được quy định tại khoản 2 Điều 131 và Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cho nên, bà T, ông H yêu cầu ông T và bà L liên đới trả cho bà T và ông H số tiền 183.000.000 đồng là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng như tiến hành đăng tin yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên 03 số Báo công lý số 28 ngày 03/4/2020, Báo công lý số 29 ngày 08/4/2020, Báo công lý số 30 ngày 10/4/2020, niêm yết các Văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông T1, bà L nhưng ông T1, bà L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, ông T1, bà L phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với yêu cầu của bà T, ông H.

Từ những phân tích đã nêu trên, bà T và ông H yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 120m², thửa số 202, tờ bản đồ số 8, đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT giữa ông Trương Phi H và bà Nguyễn Thị Minh T với ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị Bích L; yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L liên đới trả cho ông H, bà T số tiền 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB là việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi Hùng và ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Xét ý kiến của bà Lê Thị Kim K là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và ông H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi H nên ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 129, khoản 2 Điều 131, Điều 423, Điều 427, Điều 428 và Điều 502 của Bộ luật dân sự 2015.

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trương Phi H.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Minh T, ông Trương Phi H và ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L theo Biên nhân ngày 21/11/2015 là vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trương Phi H số tiền 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1, bà Huỳnh Thị Bích L phải chịu tiền án phí là 9.450.000 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả cho bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trương Phi H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.575.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số: BH/2018/0008269 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh ĐT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên